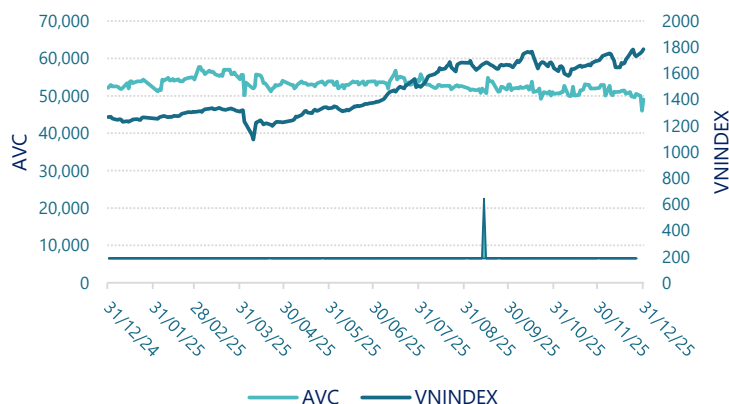


CTCP Thủy Điện A Vương (UPCOM: AVC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	49,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	57,710
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	46,000
SL cổ phiếu LH	75,052,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	595
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,678
P/E	13.1
EPS	3,740

DT thuần

Q4/25

245

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.0 | 19.4%

YoY: ▼ 30.0 | -11.0%

LN sau thuế

Q4/25

79.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 17.6 | -18.3%

YoY: ▼ 52.0 | -39.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

48.0%

+/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần

2025

726

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 26.0 | -3.4%

LN sau thuế

2025

281

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 16.0 | -5.6%

ROE

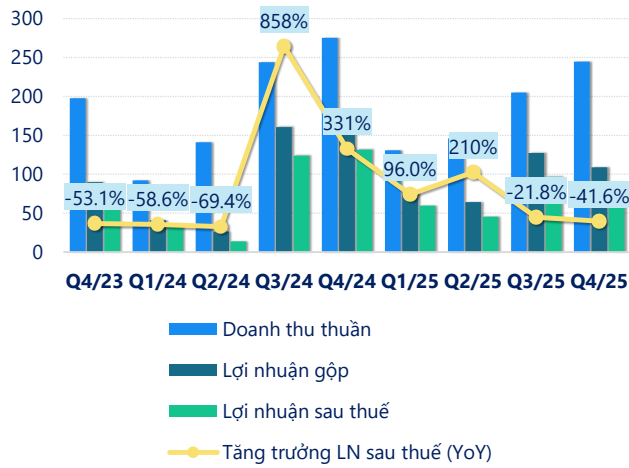
2025

24.5%

+/- YoY: ▼ 0.2%

tỷ VNĐ

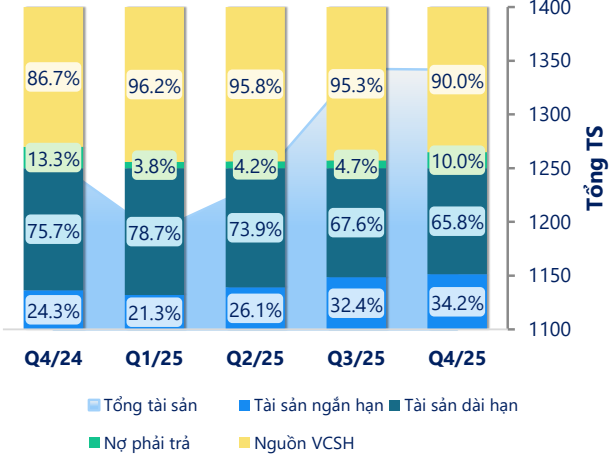
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

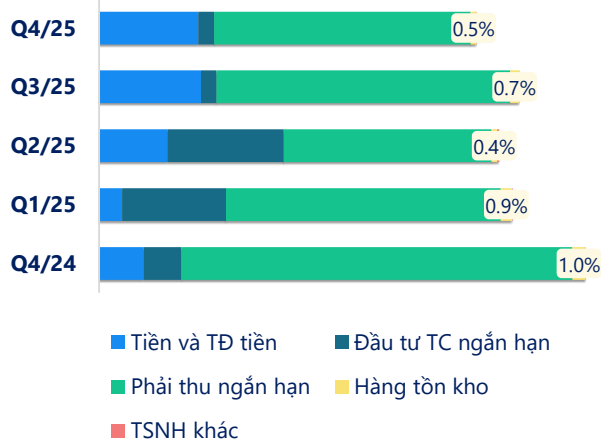
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



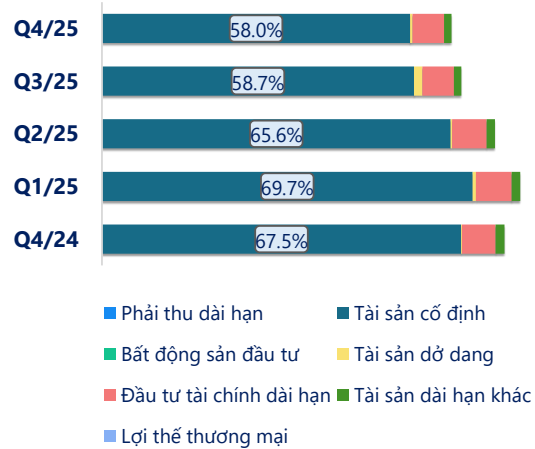
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

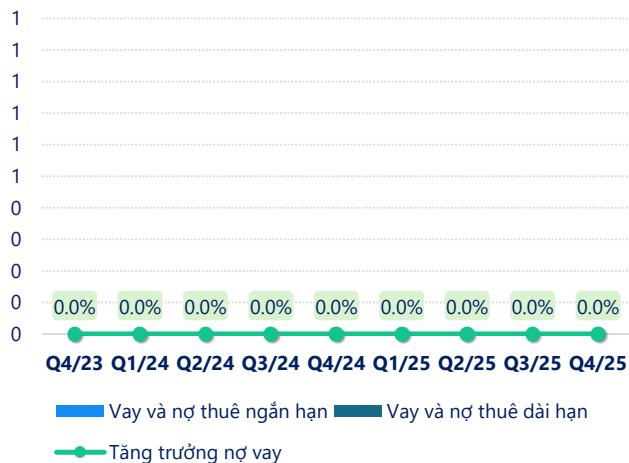
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

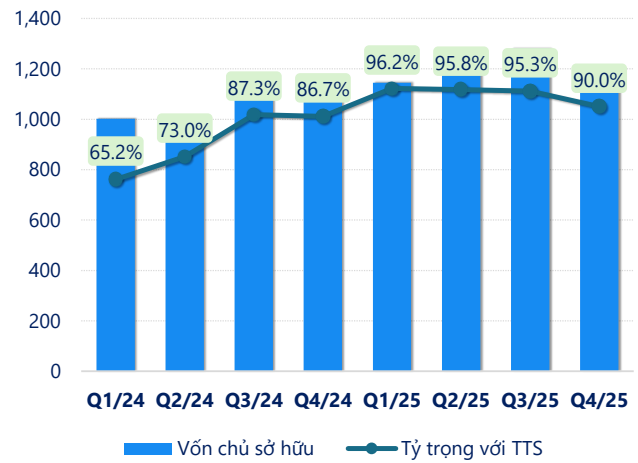
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

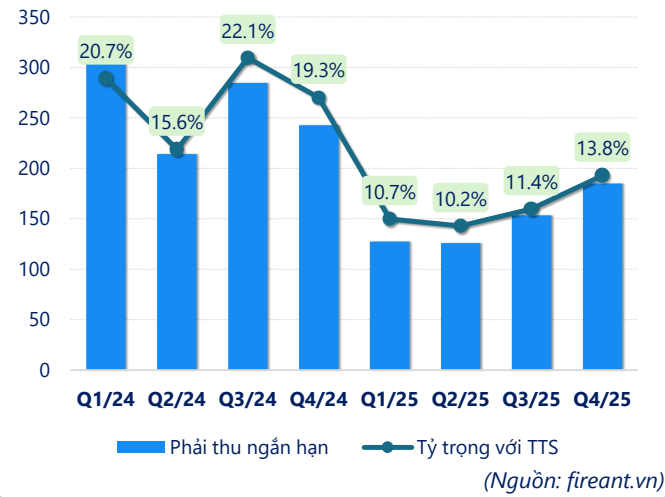
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

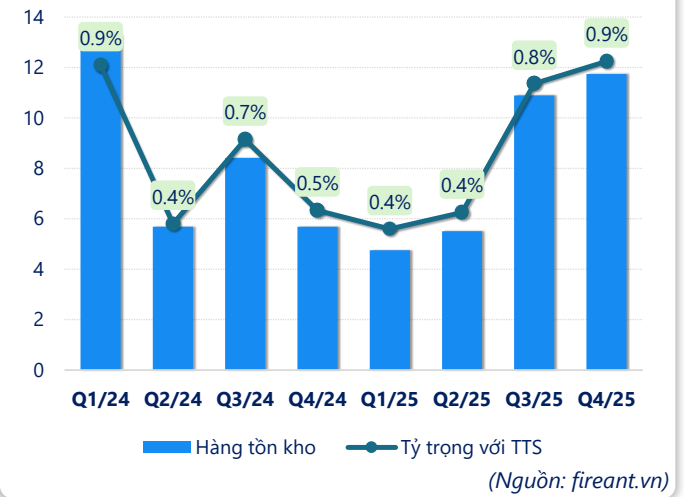


(Nguồn: fireant.vn)

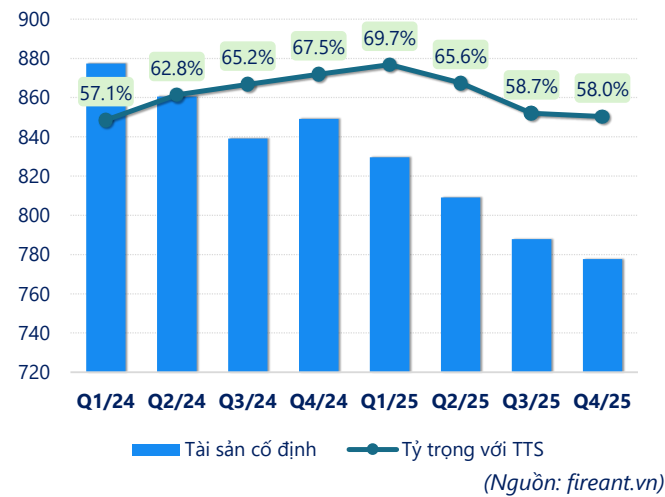
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


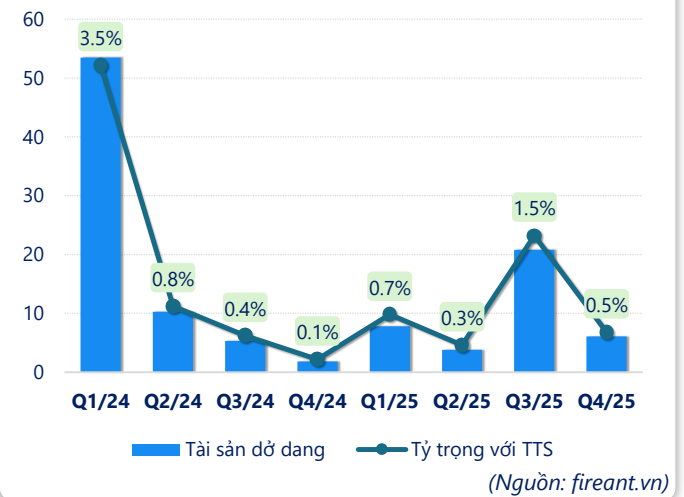
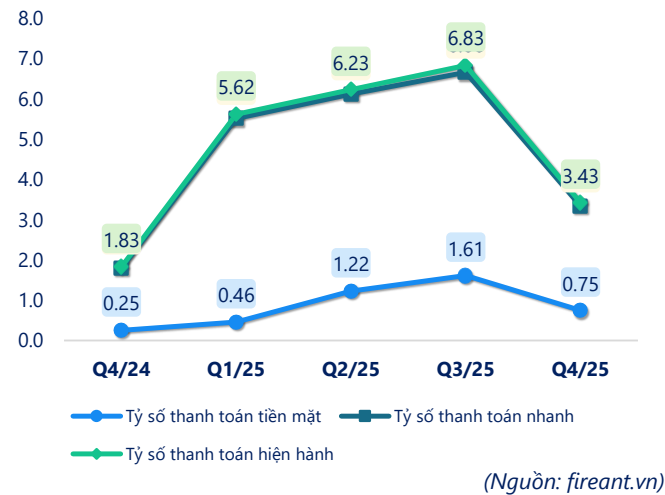
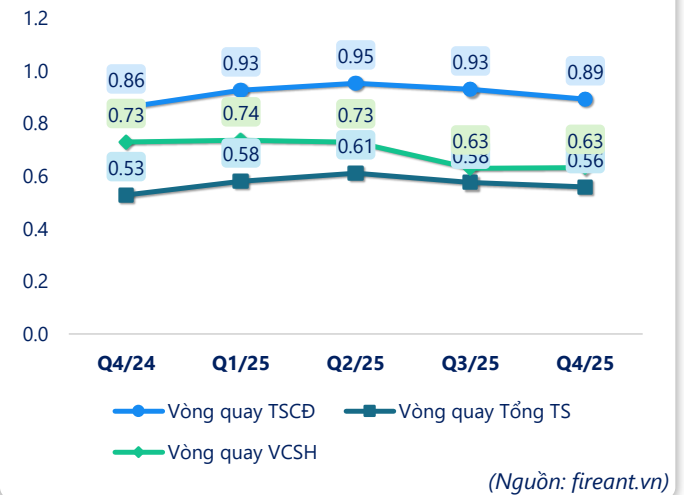
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,257	1,190	1,234	1,343	1,342
Tài sản ngắn hạn	306	254	322	436	459
Tiền và tương đương tiền	42.1	20.6	63.3	103	100
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	101	127	168	162
Phải thu ngắn hạn	243	127	126	153	185
Hàng tồn kho	5.69	4.76	5.51	10.9	11.7
Tài sản ngắn hạn khác	0.15	0.10	0.32	0.54	0.73
Tài sản dài hạn	952	936	912	907	882
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	849	830	809	788	778
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.83	7.78	3.78	20.8	6.08
Đầu tư tài chính dài hạn	79.8	79.8	79.8	79.8	79.8
Tài sản dài hạn khác	20.9	19.3	19.1	18.6	18.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	167	45.2	51.7	63.7	134
Nợ ngắn hạn	167	45.2	51.7	63.7	134
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	11.5	7.64	6.04	6.16	12.5
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,090	1,145	1,182	1,279	1,208
Vốn chủ sở hữu	1,090	1,145	1,182	1,279	1,208
Vốn điều lệ	751	751	751	751	751
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)